|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**(Mẫu T12)**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

1. Báo cáo tổng kết đề tài đề tài phải phản ánh đầy đủ, nội dung, kết quả thực hiện đề tài. Các báo cáo phải đóng thành quyển.

2. Hình thức của báo cáo tổng kết đề tài

Báo cáo tổng kết đề tài khổ A4, số trang báo cáo tổng kết đề tài không quá 60 trang (đối với KHTN) và không quá 100 trang (đối với KHXH&KT) cỡ chữ 13 (không tính tài liệu tham khảo và phụ lục).

3. Báo cáo tổng kết đề tài được trình bày theo thứ tự sau

a. Trang bìa gồm các nội dung: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, tên đề tài, mã số đề tài, chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài, địa danh và năm lập báo cáo.

b. Các trang tiếp theo trình bày theo thứ tự

- Mục lục

- Danh mục các bảng biểu, chữ cái viết tắt,…

- Mở đầu: Tổng quan hình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài ở trong và ngoài nước; mục tiêu, cách tiếp cận, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu.

- Các kết quả nghiên cứu đạt được: Viết theo thứ tự từng phần (hay chương) 1,2,3…

- Các sản phẩm của đề tài: sản phẩm khoa học (ghi chi tiết về sản phẩm: Tên bài báo, tên tạp chí, số, từ trang đến trang,…. Tên cuốn sách (hoặc bản thảo), các tác giả, số trang, tên NXB, năm xuất bản,…tên sản phẩm đào tạo (số lượng ThS, SV đề tài đào tạo), sản phẩm ứng dụng, sản phẩm khác.

- Kết luận và kiến nghị

- Tài liệu tham khảo (tên tác giả xếp theo thứ tự ABC).

- Phụ lục (Các bài báo của đề tài đã được công bố hoặc nhận đăng, minh chứng các sản phẩm khoa học khác của đề tài,…)

***Ghi chú: -* Các chương, mục, hình vẽ, biểu đồ, ảnh, bản đồ được trình bày như trong mẫu thuyết minh.**

**ỦY BÂN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN**

****

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**TÊN ĐỀ TÀI**

**Mã số: T202 -01**

|  |
| --- |
| **Chủ nhiệm đề tài:** |
| **Các thành viên tham gia:**  |

**Nghệ An, 11/20…**

|  |  |
| --- | --- |
| C:\Users\Admin\Downloads\Logo DHKTNA.png |  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN** |

**THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Thông tin chung:**

Tên đề tài:

Chủ nhiệm:

Email:

Đơn vị công tác hiện nay:

Cơ quan chủ trì:

Cơ quan tài trợ kinh phí:

Thời gian thực hiện:

**2. Mục tiêu:**

**3. Tính mới và sáng tạo:**

**4. Kết quả nghiên cứu:**

**5. Sản phẩm:** *(ghi chi tiết về sản phẩm: tên bài báo, tên tạp chí, số, từ trang đến trang,... tên cuốn sách (hoặc bản thảo), các tác giả, số trang, tên NXB, năm xuất bản,...tên chương trình chi tiết, đề cương môn học, dùng cho hệ nào,...); sản phẩm đào tạo (số lượng TS, ThS, SV đề tài đào tạo), sản phẩm ứng dụng, sản phẩm khác,...*

**6. Hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng:**

 *Nghệ An, ngày tháng năm 20*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chủ nhiệm đề tài***(ký, họ và tên)* |

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**2. MỤC TIÊU**

**3. ĐÓNG GÓP KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI**

**4. Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

**5. DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

**CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU**

**1.1. NGHIÊN CỨU VỀ THỰC VẬT**

**1.1.1. Trên thế giới**

**1.1.2 Ở Việt Nam**

*1.1.1.1. Nghiên cứu các loài thực vật*

*1.1.1.2. Nghiên cứu đa dạng thực vật*

**1.2. Nghiên cứu về yếu tố địa lý**

**1.2.1. Trên thế giới**

**1.2.2. Ở Việt Nam**

(Tổng quan tình hình nghiên cứu những nội dung liên quan đến đề tài)

**CHƯƠNG 2. NGUYÊN LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Địa điểm và đối tượng nghiên cứu**

**2.2. Dụng cụ nghiên cứu**

**2.3. Nội dung nghiên cứu**

**2.4. Phương pháp nghiên cứu**

**CHƯƠNG 3.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**PHỤ LỤC (Nếu có)**

**(Đề nghị làm theo mẫu trên (căn giữa) và đánh số chương, mục)**

**Bảng đặt ở trên và căn giữa:**

**VD:**

Bảng 1.1. Hiện trạng sử dụng đất rừng tỉnh Nghệ An

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại đất** | **Diện tích (ha)** | **Tỷ lệ %** |
| **I.Tổng diện tích tự nhiên** | **1.648.997,20** | **100.00** |
| ***1. Đất quy hoạch lâm nghiệp*** | ***1.166.109,10*** | ***70,7*** |
| 1.1. Đất có rừng | 879.301,66 | 53,3 |
| - Rừng tự nhiên | 762.785,88 | 46,3 |
| - Rừng trồng | 116.515,78 | 7,1 |
| 1.2. Đất chưa có rừng | 286.807,44 | 17,4 |
| - Đất có rừng trồng chưa thành rừng | 38.302,63 | 2,3 |
| - Đất chưa có rừng | 248.504,81 | 15,2 |
| ***2. Đất ngoài lâm nghiệp*** | ***482.888,10*** | ***29,3*** |
| - Đất có rừng | 63.206,82 | 3,8 |
| - Đất có rừng trồng chưa thành rừng | 6.943,39 | 0,4 |
| - Các loại đất khác | 412.737,89 | 25,0 |

**Hình, biểu đồ, Ảnh đặt dưới (bôi đậm) và căn giữa, đánh theo chương mục:**

VD:



Hình 1.1.Bản đồ tỉnh Nghệ An và các khu bảo vệ trong khu vực